

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2019/HNGĐ-ST  
Ngày: 11/10/2019  
“V/v tranh chấp hôn nhân và  
gia đình, ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Ngọc Tiền.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Hùng;
2. Bà Huỳnh Xuân Thủy.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Võ Đại Nam, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 190/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2019 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Kim N, sinh năm 1982, nơi cư trú: số 411, ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Thanh Th, sinh năm 1983, nơi cư trú: số 125, khóm G, phường H, thành phố D, tỉnh An Giang.

Bà N, ông Th vắng mặt tại phiên tòa (bà N có yêu cầu xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Kim N trình bày:* Bà N và ông Th tự quen biết và đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Mỹ, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông Th thường xuyên vắng nhà, không rõ đi đâu, làm gì, không có công việc làm ổn định, không quan tâm đến gia đình. Từ đó vợ chồng bất hòa, thường

xuyên cãi nhau, cuộc sống chung không còn hòa hợp và vợ chồng đã không còn sống chung từ khoảng tháng 10/2018 đến nay. Hôn nhân không hạnh phúc nên bà N yêu cầu ly hôn với ông Th. Về con chung, vợ chồng có 01 con chung tên Lê Ngọc Thiên D, sinh ngày 05/6/2017. Bà N yêu cầu nuôi con và không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung, không có.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Th nhưng ông Th vẫn không đến Tòa án nên không thể tiến hành hòa giải được.

\* Tại phiên tòa:

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng không tham gia trong quá trình giải quyết vụ án là vi phạm quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Th vắng mặt. Tuy nhiên, Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng ông Th vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự là đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông Th chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Mỹ, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp là hôn nhân hợp pháp.

Theo bà N trình bày nguyên nhân bà N xin ly hôn với ông Th là do ông Th không lo làm ăn, không quan tâm đến gia đình và vợ chồng không còn sống chung từ tháng 10/2018 cho đến nay. Tình cảm không còn, bà N xin ly hôn với ông Th. Ông Th biết được bà N xin ly hôn nhưng vẫn không tham dự các phiên hòa giải theo Thông báo của Tòa án. Điều đó thấy rằng ông Th không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu ly hôn của bà N.

Về con chung: Bà N, ông Th có một con chung Lê Ngọc Thiên D, sinh ngày 05/6/2017. Hiện nay cháu Di dưới 36 tháng tuổi và đang do bà N trực tiếp nuôi dạy. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu của bà N được tiếp tục nuôi con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Bà N khai không có nên không đề cập xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

*\* Về tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền:* Bà Nguyễn Kim N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Thanh Th. Đồng thời, ông Th cư trú trên địa bàn thành phố Châu Đốc. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho nguyên đơn, bị đơn nhưng bà N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và ông Th được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn như theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

*\*Về nội dung:*

[3] Đối với quan hệ hôn nhân, bà N và ông Th chung sống với nhau từ năm 2015 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Mỹ, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 26/11/2015, giấy chứng nhận kết hôn số 089/2015, quyền số 01/2015 là hôn nhân hợp pháp nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Theo bà N trình bày nguyên nhân bà N yêu cầu ly hôn với ông Th là do ông Th không lo làm ăn, không quan tâm đến gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi nhau và đã không còn sống chung từ tháng 10/2018 đến nay. Ông Th biết được bà N xin ly hôn nhưng vẫn không tham dự các phiên hòa giải theo Thông báo của Tòa án.

Bên cạnh đó, Tòa án ghi nhận ý kiến của ông Lê Thanh Trường là anh ruột và cùng nơi cư trú với ông Th thể hiện N, Th đã xảy ra nhiều mâu thuẫn và đã không còn sống chung từ tháng 10/2018 đến nay, tình cảm không còn nên Th đồng ý theo yêu cầu ly hôn của N.

Vợ chồng cùng có nghĩa vụ và trách nhiệm yêu thương, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau. Mâu thuẫn giữa bà N, ông Th xảy ra từ tháng 10/2018 và từ đó vợ chồng sống xa cách, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bên cạnh đó, ông Th biết được bà N xin ly hôn nhưng vẫn không tham dự các phiên hòa giải theo Thông báo của Tòa án. Xét thấy, hôn nhân của bà N, ông Th đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N với ông Th.

[4] Về con chung, bà N xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Lê Ngọc Thiên D, sinh ngày 05/6/2017. Bà N yêu cầu nuôi con và không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 18/7/2018, ông Lê Thanh Trường là anh ruột của ông Lê Thanh Th xác định có nhận tất cả các văn bản tố tụng tổng đạt cho ông Th nhưng do đi làm ăn xa nên ông Th không tham gia theo giấy triệu tập của Tòa án và ông Th đồng ý giao con cho N nuôi dạy, ông Th không cấp dưỡng nuôi con.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn và không làm thay đổi môi trường sống ổn định của con nên xét giao con chung cho bà N được tiếp tục nuôi dạy cho đến tuổi trưởng thành.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà N không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Bà Nguyễn Kim N cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Lê Thanh Th trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà N đã nộp. Ông Th không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim N.

[1] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Kim N được ly hôn với ông Lê Thanh Th.

[2] Về con chung:

Bà Nguyễn Kim N được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Lê Ngọc Thiên D, sinh ngày 05/6/2017 cho đến tuổi trưởng thành. Ông Lê Thanh Th không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Kim N cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Lê Thanh Th trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Nguyễn Kim N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0008013 ngày 21 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc; Bà N đã nộp đủ án phí.

Ông Lê Thanh Th không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo:

Thời hạn kháng cáo của bà Nguyễn Kim N và ông Lê Thanh Th là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát TPCĐ (2);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Ngọc Tiên**